

Số: /TBHH-CVHHKG

An Giang, ngày tháng 01 năm 2026

## THÔNG BÁO HÀNG HẢI

### Về thông số kỹ thuật của luồng hàng hải chuyên dùng và các khu nước, vùng nước thuộc Bến cảng Hành khách quốc tế Phú Quốc

Vùng biển: Đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang.

Tên luồng: Luồng hàng hải chuyên dùng vào Bến cảng Hành khách quốc tế Phú Quốc.

Căn cứ Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải; Nghị định số 34/2025/NĐ-CP ngày 20/02/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hàng hải;

Căn cứ Đơn đề nghị số 208/UBND-ĐĐN ngày 19/01/2026 của Ủy ban nhân dân đặc khu Phú Quốc về việc công bố thông báo hàng hải về thông số kỹ thuật của khu nước trước cầu cảng (mặt ngoài), khu nước trước cầu cảng (mặt trong), khu nước kết nối luồng vào cầu cảng (mặt trong), khu nước kết nối từ vùng quay tàu vào khu nước trước cầu cảng, khu nước vùng quay tàu thuộc Cảng hành khách Quốc tế Phú Quốc;

Căn cứ bình đồ độ sâu tỷ lệ 1/2000, ký hiệu: từ HKPQ\_122025\_01\_06 đến HKPQ\_122025\_06\_06 do Xí nghiệp Khảo sát Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam nghiệm thu, hoàn thành đo đạc 06/12/2025, cùng các tài liệu khác có liên quan do UBND đặc khu Phú Quốc cung cấp kèm theo Đơn đề nghị;

Cảng vụ Hàng hải Kiên Giang thông báo về thông số kỹ thuật của luồng hàng hải chuyên dùng và các khu nước, vùng nước thuộc Bến cảng Hành khách quốc tế Phú Quốc, độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” như sau:

1. Trong phạm vi khảo sát khu nước trước cầu cảng (mặt ngoài), được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

| Tên điểm | Hệ VN - 2000  |                | Hệ WGS - 84   |                |
|----------|---------------|----------------|---------------|----------------|
|          | Vĩ độ         | Kinh độ        | Vĩ độ         | Kinh độ        |
| B1       | 10°13'21,80"N | 103°56'36,99"E | 10°13'18,19"N | 103°56'43,43"E |
| B2       | 10°13'20,90"N | 103°56'32,15"E | 10°13'17,28"N | 103°56'38,59"E |

| Tên điểm | Hệ VN - 2000  |                | Hệ WGS - 84   |                |
|----------|---------------|----------------|---------------|----------------|
|          | Vĩ độ         | Kinh độ        | Vĩ độ         | Kinh độ        |
| B3       | 10°13'38,77"N | 103°56'28,73"E | 10°13'35,16"N | 103°56'35,17"E |
| B4       | 10°13'34,88"N | 103°56'34,49"E | 10°13'31,27"N | 103°56'40,93"E |

Độ sâu đạt 10,1 mét.

2. Trong phạm vi khảo sát khu nước trước cầu cảng (mặt trong), được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

| Tên điểm | Hệ VN - 2000  |                | Hệ WGS - 84   |                |
|----------|---------------|----------------|---------------|----------------|
|          | Vĩ độ         | Kinh độ        | Vĩ độ         | Kinh độ        |
| B5       | 10°13'26,17"N | 103°56'37,33"E | 10°13'22,55"N | 103°56'43,76"E |
| B6       | 10°13'35,10"N | 103°56'35,62"E | 10°13'31,48"N | 103°56'42,06"E |
| B7       | 10°13'37,96"N | 103°56'37,58"E | 10°13'34,34"N | 103°56'44,02"E |
| B8       | 10°13'26,63"N | 103°56'39,75"E | 10°13'23,01"N | 103°56'46,18"E |

- Xuất hiện điểm độ sâu 10,0 mét tại vị trí có tọa độ:

| Hệ VN – 2000  |                | Hệ WGS - 84   |                |
|---------------|----------------|---------------|----------------|
| Vĩ độ         | Kinh độ        | Vĩ độ         | Kinh độ        |
| 10°13'37,82"N | 103°56'37,54"E | 10°13'34,21"N | 103°56'43,98"E |

- Ngoài điểm độ sâu nêu trên, độ sâu khu nước đạt 10,4 mét.

3. Trong phạm vi khảo sát khu nước kết nối luồng vào cầu cảng (mặt trong), được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

| Tên điểm | Hệ VN - 2000  |                | Hệ WGS - 84   |                |
|----------|---------------|----------------|---------------|----------------|
|          | Vĩ độ         | Kinh độ        | Vĩ độ         | Kinh độ        |
| B6       | 10°13'35,10"N | 103°56'35,62"E | 10°13'31,48"N | 103°56'42,06"E |
| B7       | 10°13'37,96"N | 103°56'37,58"E | 10°13'34,34"N | 103°56'44,02"E |
| L10      | 10°13'53,56"N | 103°56'34,60"E | 10°13'49,94"N | 103°56'41,04"E |
| L9       | 10°13'56,46"N | 103°56'30,37"E | 10°13'52,85"N | 103°56'36,80"E |

| Tên điểm | Hệ VN - 2000  |                | Hệ WGS - 84   |                |
|----------|---------------|----------------|---------------|----------------|
|          | Vĩ độ         | Kinh độ        | Vĩ độ         | Kinh độ        |
| B4       | 10°13'34,88"N | 103°56'34,49"E | 10°13'31,27"N | 103°56'40,93"E |

Độ sâu đạt 8,9 mét.

4. Trong phạm vi khảo sát đáy luồng hàng hải chuyên dùng được hướng dẫn bởi hệ thống báo hiệu hàng hải và giới hạn bởi các điểm:

| Tên điểm | Hệ VN - 2000  |                | Hệ WGS - 84   |                |
|----------|---------------|----------------|---------------|----------------|
|          | Vĩ độ         | Kinh độ        | Vĩ độ         | Kinh độ        |
| B3       | 10°13'38,77"N | 103°56'28,73"E | 10°13'35,16"N | 103°56'35,17"E |
| L1       | 10°13'40,09"N | 103°56'28,48"E | 10°13'36,47"N | 103°56'34,92"E |
| L2       | 10°13'44,02"N | 103°56'21,43"E | 10°13'40,40"N | 103°56'27,86"E |
| L3       | 10°13'48,77"N | 103°56'00,36"E | 10°13'45,15"N | 103°56'06,79"E |
| L4       | 10°13'53,27"N | 103°55'51,67"E | 10°13'49,65"N | 103°55'58,11"E |
| L5       | 10°14'02,53"N | 103°55'48,74"E | 10°13'58,92"N | 103°55'55,17"E |
| L6       | 10°14'11,14"N | 103°55'53,28"E | 10°14'07,52"N | 103°55'59,71"E |
| L7       | 10°14'14,04"N | 103°56'02,63"E | 10°14'10,42"N | 103°56'09,07"E |
| L8       | 10°14'09,54"N | 103°56'11,32"E | 10°14'05,93"N | 103°56'17,75"E |
| L9       | 10°13'56,46"N | 103°56'30,37"E | 10°13'52,85"N | 103°56'36,80"E |
| B4       | 10°13'34,88"N | 104°56'34,49"E | 10°13'31,27"N | 103°56'40,93"E |

Độ sâu đạt 9,0 mét.

5. Trong phạm vi khảo sát vũng quay tàu, được giới hạn bởi đường tròn có đường kính D = 720 mét, với tâm tại vị trí I1 có toạ độ:

| Tên điểm | Hệ VN - 2000  |                | Hệ WGS - 84   |                |
|----------|---------------|----------------|---------------|----------------|
|          | Vĩ độ         | Kinh độ        | Vĩ độ         | Kinh độ        |
| I1       | 10°14'01,41"N | 103°56'01,50"E | 10°13'57,79"N | 103°56'07,93"E |

Độ sâu đạt 9,5 mét.

## HƯỚNG DẪN HÀNH HẢI

Tàu thuyền hành hải trên tuyến luồng hàng hải chuyên dùng, vào/rời Bến cảng hành khách Quốc tế Phú Quốc, căn cứ thông báo hàng hải, bình đồ độ sâu và hệ thống báo hiệu hàng hải để có biện pháp hành hải an toàn; tăng cường công tác cảnh giới, tuân thủ sự điều động của Cảng vụ Hàng hải Kiên Giang và chú ý các bề cá di động có khả năng xuất hiện lân cận phạm vi tuyến luồng.

**Số liệu Bình đồ độ sâu vui lòng truy cập theo đường link sau đây:**

<https://cangvuhanghaikiengiang.gov.vn/index.aspx?page=detail&id=2554>

**hoặc mã QR đính kèm:**

Để biết thêm thông tin chi tiết liên hệ với Ủy ban nhân dân đặc khu Phú Quốc<sup>1</sup> (thông tin liên hệ: Ông Tăng Quang Minh – Phó Giám đốc, Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng khu vực Phú Quốc, số điện thoại 0914.951.313)/.



### Nơi nhận:

- Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam (để b/c);
- UBND tỉnh An Giang;
- Bộ Tư lệnh Vùng 5 Hải quân;
- Bộ Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 4;
- UBND đặc khu Phú Quốc;
- BCH Bộ đội Biên phòng tỉnh An Giang;
- Tổng Công ty Bảo đảm an toàn hàng hải Việt Nam;
- Cty TNHH MTV Thông tin Điện tử Hàng hải Việt Nam;
- Cty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải miền Nam;
- Chi nhánh Hoa tiêu V;
- Bảo đảm an toàn hàng hải Tây Nam Bộ;
- Đài thông tin duyên hải TP.Hồ Chí Minh;
- Đài thông tin duyên hải Kiên Giang;
- Các Cảng vụ Hàng hải; Các Cảng vụ Đường thủy nội địa;
- Các Đại lý hàng hải; Các doanh nghiệp chủ tàu;
- Giám đốc (để b/c);
- Các Phó Giám đốc;
- Phòng QLKCHT, các Đại diện trực thuộc;
- Website Cảng vụ Hàng hải Kiên Giang;
- Lưu: VT, ATANHH.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Hồ Thanh Sang**

<sup>1</sup> Tổ chức cung cấp số liệu, thông tin phục vụ việc công bố thông báo hàng hải chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác của số liệu, thông tin mình cung cấp theo khoản 3, Điều 47, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.